

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 01/9/2021

V/v: Tranh chấp Hôn nhân gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hoàng Thị Thu Hiền

2. Ông Bùi Đức Minh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Nguyệt - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thái - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 9 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 41/2021/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2021 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2021/QĐXX-ST ngày 05 tháng 8 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Chị Hoàng Thị T**, sinh năm 1991;

Nơi cư trú: Thôn L, xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình.

- Bị đơn: **Anh Trần Lý B** – sinh năm 1991;

ĐKHKTT: Thôn L, xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình. Hiện đang lao động tại Đài Loan.

(Chị T có đơn xin xét xử vắng mặt, anh B vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, lời khai cùng các tài liệu chứng cứ đã xuất trình nguyên đơn là chị Hoàng Thị T trình bày và có yêu cầu khởi kiện như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Lý B tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thái Thuận (nay là xã Thuận Thành), huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình vào ngày 11/01/2017. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do từ khi anh B đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan (năm 2018), vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng trong quan điểm sống. Vợ chồng cũng sống ly thân từ đó đến nay, không còn quan tâm đến nhau, tình cảm lạnh nhạt. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng không có khả năng đoàn tụ, chị yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh B để chị sớm ổn định cuộc sống. Anh B không cung cấp cho chị địa chỉ ở Đài Loan, nên chị không biết địa chỉ cụ thể của anh B hiện nay ở đâu.

Về quan hệ con chung: Chị và anh Trần Lý B có một con chung là Trần P.A - sinh ngày 23/4/2015. Hiện con chung đang ở với bố mẹ đẻ anh B. Ly hôn, chị có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng con vì con còn nhỏ lại là con gái, anh B không có mặt tại Việt Nam. Chị T không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về quan hệ tài sản: Chị và anh Trần Lý B, không có tài sản chung, không có nợ chung, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại các biên bản lấy lời khai đối với bố đẻ anh B là ông Trần Đức D trình bày: Anh B, chị T tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn tại UBND xã Thái Thuận, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình từ năm 2017. Sau khi kết hôn, anh B đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan từ năm 2019 đến nay chưa về nước. Sau đó, chị T cũng lên thành phố Thái Bình sống và làm việc, vợ chồng anh chị có xảy ra mâu thuẫn. Sau khi Tòa án thụ lý vụ án ly hôn, đã giao các văn bản của Tòa án cho gia đình ông và gia đình ông đã thông báo ngay lại cho anh B. Anh B có nói với ông là anh B đồng ý ly hôn chị T. Anh B đề nghị được trực tiếp nuôi con chung là Trần P.A - sinh ngày 23/4/2015 và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung. Vợ chồng anh chị không có tài sản chung, không có nợ chung. Ông không rõ địa chỉ cụ thể của anh B ở Đài Loan nên không cung cấp cho Tòa án nhưng anh B thường xuyên liên lạc với ông qua điện thoại. Ông cam đoan sẽ thông báo các nội dung văn bản của Tòa án cho anh B. Ông trình bày về việc ông có đứng ra lấy tiền phường hộ chị T vì vậy ông yêu cầu chị T trả hết một lần hoặc có trách nhiệm trả hàng tháng đối với hai nhóm phường hộ chị T tham gia tại địa phương, ông được Tòa án giải thích về

yêu cầu khoản tiền phường phải nộp tạm ứng án phí, nhưng ông không có yêu cầu độc lập với tiền phường này.

Tại các biên bản xác minh, đại diện UBND xã Thuận Thành cung cấp như sau: Anh B, chị T tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn tại UBND xã Thái Thuận (nay nhập xã đổi thành xã Thuận Thành), huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình ngày 11/01/2017. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chị chung sống được một thời gian ngắn thì mỗi người sống một nơi do anh B đi nước ngoài từ năm 2018 đến nay. Vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn hay không thì địa phương không nắm rõ, đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định của pháp luật để giải quyết về quan hệ hôn nhân và quan hệ con chung. Chị T, anh B không nợ nghĩa vụ tài chính nào ở địa phương.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình phát biểu ý kiến: Trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, những người tiến hành tố tụng và nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị Hoàng Thị T được ly hôn anh Trần Lý B. Giao con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chị T chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo qui định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét thấy, bị đơn là anh Trần Lý B đang cư trú tại Đài Loan, anh B vẫn liên lạc về gia đình, nhưng không cung cấp địa chỉ cụ thể, nên ông Trần Đức D - bố đẻ anh B không cung cấp địa chỉ cụ thể cho Tòa án. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của bố đẻ anh B để xác minh địa chỉ của anh B, tiến hành tổng đạt các văn bản của Tòa án cho ông D, yêu cầu ông thông báo cho anh B các văn bản tố tụng của Tòa án đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự nhưng đến nay anh B vẫn không về tham gia tố tụng, cũng không có văn bản ý kiến gửi về cho Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình. Nguyên đơn chị Hoàng Thị T có đơn xin xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ tại UBND xã Thuận Thành, Cục xuất nhập cảnh bộ Công An về việc anh B đã xuất cảnh, vì vậy thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia phiên tòa là đúng với quy định tại Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, chị T, anh B tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn thời gian ngắn thì phát sinh mâu

thuần, nguyên nhân do vợ chồng mỗi người ở một nơi dẫn đến bất đồng trong quan điểm sống. Anh B đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan từ năm 2019 đến nay chưa về nước, chị T cũng lên thành phố Thái Bình sinh sống, vợ chồng đã ly thân trong thời gian dài. Ông D - bố đẻ anh B trình bày, anh B đã biết việc chị T xin ly hôn và anh đồng ý ly hôn, anh B không về Việt Nam để làm việc với Tòa án, không gửi văn bản ý kiến trực tiếp của mình về cho Tòa án, không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm với chị T. Xét thấy, tình trạng hôn nhân của chị T, anh B là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần phải chấp nhận xử cho chị T được ly hôn anh B là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về quan hệ con chung: Chị T, anh B có một con chung là Trần P.A - sinh ngày 23/4/2015. Tại biên bản làm việc với ông D, ông D trình bày anh B có nguyện vọng nuôi con chung và không yêu cầu chị T cấp dưỡng cho con. Xét thấy, anh B không có mặt tại Việt Nam, không có văn bản ủy quyền quyền nuôi con cho ông D, chị T hiện đang sinh sống tại tỉnh Thái Bình, chị đi làm đủ điều kiện chăm sóc cho con. Do đó cần xử giao con chung Trần P.A cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chấp nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị là phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh B vắng mặt, chưa có trình bày về tài sản chung, nên Tòa án không đặt ra giải quyết. Ông D không nộp tạm ứng án phí đối với yêu cầu độc lập đối với yêu cầu tiền phường ông nhận cho chị T, do đó Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 235, Điều 271, Điều 273 và Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Hoàng Thị T được ly hôn anh Trần Lý B.
2. Về quan hệ con chung: Xử giao con chung là Trần P.A - sinh ngày 23/4/2015 cho chị Hoàng Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chấp nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh Trần Lý B cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Trần Lý B có quyền thăm nom con chung. Anh B, chị T có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung khi cần thiết.

3. Về quan hệ tài sản: Không có yêu cầu, không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị Hoàng Thị T phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0005082 ngày 01/7/2021 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thái Bình.

Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thái Bình;
- Đường sự;
- UBND xã Thuần Thành, H.Thái Thụy, tỉnh Thái Bình (Nơi ĐKKH);
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Kim Hằng